

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự toán, gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu số 03: Lập báo cáo quan trắc môi trường các công trình cấp nước của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang năm 2026.
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.
- Nguồn vốn: Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Hình thức hợp đồng: Trọn gói.
- Địa điểm thực hiện: Các trạm cấp nước của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày.

2. Mục tiêu công việc của gói thầu:

Lựa chọn nhà thầu Lập báo cáo quan trắc môi trường các công trình cấp nước của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang

Phạm vi công việc của gói thầu: Lựa chọn nhà thầu thực hiện Lập báo cáo quan trắc môi trường các công trình cấp nước của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

3.1 Yêu cầu chung về chất lượng

- Nhà thầu tuyệt đối tuân thủ theo các quy chuẩn pháp luật của Nhà nước về các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến chuyên ngành như: QCVN 01-1:2024/BYT ban hành kèm theo Thông tư 52/2024/TT-BYT của Bộ Y tế; QCVN 08:2023/BTNMT ban hành kèm theo Thông tư 01/2023/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường....

- Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về chất lượng thực hiện gói thầu do mình đảm nhiệm trước Chủ đầu tư và Nhà nước.

- Nhà thầu phải đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định như Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm/phân tích; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường; Có tài liệu, giấy chứng nhận chứng minh phòng thí nghiệm; Thiết bị nhà thầu phải có giấy chứng nhận hiệu chuẩn của đơn vị được cấp phép hiệu chuẩn còn hiệu lực...

- Nhà thầu đề xuất phương pháp, cách thức tổ chức thực hiện tại hiện trường: công tác lấy mẫu; bảo quản, vận chuyển mẫu đáp ứng các quy định hiện hành và các phương pháp được nêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của nhà thầu.

- Nhà thầu phải đề xuất kế hoạch để triển khai các nội dung công việc: thời gian thực hiện, tiến độ thực hiện từng đợt (gồm công tác hiện trường, công tác trong phòng thí nghiệm, bàn giao sản phẩm), nhân sự huy động cho gói thầu.

3.2 Yêu cầu về chỉ tiêu phân tích:

Yêu cầu về chỉ tiêu phân tích của 01 (một) mẫu chi tiết theo bảng sau:

Stt	Nội dung	Đơn vị	Số lượng
A	Công trình khai thác, cung cấp nước sạch cho các phường Minh Xuân, Nông Tiến và An Tường		
1	Môi trường không khí, tiếng ồn tại khu vực các giếng khoan và trạm xử lý	mẫu	1
1.1	<i>Vi khí hậu</i>		<i>1</i>
1.2	<i>Bụi tổng lơ lửng</i>		<i>1</i>
1.3	<i>SO₂</i>		<i>1</i>
1.4	<i>CO</i>		<i>1</i>
1.5	<i>NO₂</i>		<i>1</i>
1.6	<i>VOC</i>		<i>1</i>
1.7	<i>H₂S</i>		<i>1</i>
1.8	<i>Mức ồn tương đương</i>		<i>1</i>
2	Môi trường nước thải	mẫu	1
2.1	<i>pH</i>		<i>1</i>
2.2	<i>Chất rắn lơ lửng (TSS)</i>		<i>1</i>
2.3	<i>Phot pho tổng số</i>		<i>1</i>
2.4	<i>COD</i>		<i>1</i>
2.5	<i>BOD₅</i>		<i>1</i>
2.6	<i>Tổng Nito</i>		<i>1</i>
2.7	<i>Chì (Pb)</i>		<i>1</i>
2.8	<i>Mangan (Mn)</i>		<i>1</i>
2.9	<i>Sắt (Fe)</i>		<i>1</i>
2.10	<i>Thủy Ngân (Hg)</i>		<i>1</i>
2.11	<i>Asen (As)</i>		<i>1</i>
2.12	<i>Hàm lượng dầu mỡ</i>		<i>1</i>
2.13	<i>Tổng số coliform</i>		<i>1</i>
3	Môi trường nước cấp	mẫu	1
3.1	<i>pH</i>		<i>1</i>
3.2	<i>Độ dẫn điện</i>		<i>1</i>
3.3	<i>Độ muối</i>		<i>1</i>
3.4	<i>Độ cứng</i>		<i>1</i>
3.5	<i>DO</i>		<i>1</i>
3.6	<i>TDS</i>		<i>1</i>
3.7	<i>Nitrit</i>		<i>1</i>
3.8	<i>Nitrat</i>		<i>1</i>
3.9	<i>Clorua</i>		<i>1</i>
3.10	<i>Florua</i>		<i>1</i>

3.11	Pb		1
3.12	Mn		1
3.13	Fe		1
3.14	Hg		1
3.15	As		1
3.16	Zn		1
3.17	Tổng số coliform		1
B	Công trình khai thác nước dưới đất phục vụ cho sinh hoạt tại tổ dân phố Tràng Đà 5, phường Nông Tiến		
1	Môi trường không khí và tiếng ồn tại khu vực giếng khoan, trạm xử lý	mẫu	1
1.1	Vi khí hậu		1
1.2	Bụi tổng lơ lửng		1
1.3	SO ₂		1
1.4	CO		1
1.5	NO ₂		1
1.6	VOC		1
1.7	H ₂ S		1
1.8	Mức ồn tương đương		1
2	Môi trường nước thải	mẫu	1
2.1	pH		1
2.2	Chất rắn lơ lửng (TSS)		1
2.3	Tổng P		1
2.4	COD		1
2.5	BOD ₅		1
2.6	Tổng N		1
2.7	Pb		1
2.8	Mn		1
2.9	Fe		1
2.10	Hg		1
2.11	As		1
2.12	Hàm lượng dầu mỡ		1
2.13	Tổng số coliform		1
C	Trạm xử lý nước mặt công suất 7.000 m³/ngày đêm phường Minh Xuân		
1	Môi trường không khí, tiếng ồn tại khu vực trạm	mẫu	1
1.1	Vi khí hậu		1
1.2	Bụi tổng lơ lửng		1
1.3	SO ₂		1
1.4	CO		1

1.5	NO2		1
1.6	H2SO4		1
1.7	HNO3		1
1.8	NH3		1
1.9	H2S		1
1.10	VOC		1
1.11	Mức ồn tương đương		1
2	Môi trường nước thải; nước mặt	mẫu	1
2.1	pH		1
2,2	TDS		1
2,3	Chất rắn lơ lửng (TSS)		1
2,4	COD		1
2,5	BOD5		1
2,6	NH4+		1
2,7	NO3-		1
2,8	Fe		1
2,9	Mn		1
2,1	As		1
2,11	H2S		1
2,12	Phenol		1
2,13	Hàm lượng dầu mỡ		1
2,14	Tổng số coliform		1
D	Hệ thống cấp nước KCN Long Bình An - tỉnh Tuyên Quang		
1	Môi trường không khí, tiếng ồn tại khu vực trạm xử lý	mẫu	1
1.1	Vi khí hậu		1
1.2	Bụi tổng lơ lửng		1
1.3	SO2		1
1.4	CO		1
1.5	NO2		1
1.6	H2SO4		1
1.7	HNO3		1
1.8	NH3		1
1.9	H2S		1
1.10	VOC		1
1.11	Mức ồn tương đương		1
2	Môi trường nước cấp	mẫu	1
2.1	Mùi vị		1
2.2	pH		1

2.3	Nitrit		1
2.4	Độ cứng		1
2.5	Độ đục		1
2.6	Clorua		1
2.7	Mn		1
2.8	As		1
2.9	Cr		1
2.10	Zn		1
2.11	Cu		1
2.12	Pb		1
2.13	Nitrat		1
2.14	Coliform		1
E	Công trình cấp nước thôn Vĩnh Thái xã Chiêm Hóa; công trình cấp nước thác Mơ xã Nà Hang		
1	Môi trường không khí, tiếng ồn tại khu vực trạm	mẫu	1
1.1	Vi khí hậu		1
1.2	Bụi tổng lơ lửng		1
1.3	SO ₂		1
1.4	CO		1
1.5	NO ₂		1
1.6	H ₂ SO ₄		1
1.7	HNO ₃		1
1.8	NH ₃		1
1.9	H ₂ S		1
1.10	VOC		1
1.11	Mức ồn tương đương		1
2	Môi trường nước mặt	mẫu	1
2.1	pH		1
2.2	Chất rắn lơ lửng (TSS)		1
2.3	COD		1
2.4	BOD ₅		1
2.5	DO		1
2.6	Tổng P		1
2.7	Tổng N		1
2.8	NO ₃ -		1
2.9	Fe		1
2.10	Hg		1
2.11	As		1
2.12	Hàm lượng dầu mỡ		1
2.13	Tổng số coliform		1

F	Các công trình cấp nước: Tổ dân phố Kim Phú 18 phường Mỹ Lâm; Tổ dân phố 15 phường Bình Thuận; Phường Mỹ Lâm; Tổ dân phố 16 phường Bình Thuận; Thôn Đồng Chằm xã Yên Sơn; Km9 xã Yên Sơn; Thôn Đoàn Kết xã Yên Sơn; Xã Tân Long; Thôn Tân Bình xã Hàm Yên; Thôn Xa Hạc xã Hàm Yên; xã Bạch Xa; xã Bình Xa; xã Yên Phú; Xã Sơn Dương (Giếng G1, G2 và G3); Xã Tân Trào		
1	Môi trường không khí, tiếng ồn tại khu vực giếng khoan, trạm xử lý	Mẫu	1
1.1	<i>Vi khí hậu</i>		1
1.2	<i>Bụi tổng lơ lửng</i>		1
1.3	<i>SO₂</i>		1
1.4	<i>CO</i>		1
1.5	<i>NO₂</i>		1
1.6	<i>VOC</i>		1
1.7	<i>H₂S</i>		1
1.8	<i>Mức ồn tương đương</i>		1
2	Môi trường nước cấp	mẫu	1
2.1	<i>Mùi vị</i>		1
2.2	<i>pH</i>		1
2.3	<i>Nitrit</i>		1
2.4	<i>Độ cứng</i>		1
2.5	<i>Độ đục</i>		1
2.6	<i>Clorua</i>		1
2.7	<i>Mn</i>		1
2.8	<i>As</i>		1
2.9	<i>Cr</i>		1
2.10	<i>Zn</i>		1
2.11	<i>Cu</i>		1
2.12	<i>Pb</i>		1
2.13	<i>Nitrat</i>		1
2.14	<i>Coliform</i>		1
G	Các công trình cấp nước: Thôn Chanh xã Thái Bình; Tổ dân phố thôn Cây Quân phường Mỹ Lâm; Thôn Bản Bung xã Nà Hang		
1	Môi trường không khí, tiếng ồn tại khu vực trạm xử lý	mẫu	1
1.1	<i>Vi khí hậu</i>		1
1.2	<i>Bụi tổng lơ lửng</i>		1
1.3	<i>SO₂</i>		1
1.4	<i>CO</i>		1
1.5	<i>NO₂</i>		1
1.6	<i>VOC</i>		1
1.7	<i>H₂S</i>		1

1.8	Mức ồn tương đương		1
2	Môi trường nước mặt	mẫu	1
2.1	pH		1
2.2	Độ đục		1
2.3	Chất rắn lơ lửng (TSS)		1
2.4	COD		1
2.5	BOD5		1
2.6	Nitrat		1
2.7	NH ₄ ⁺		1
2.8	Mn		1
2.9	As		1
2.10	Cr		1
2.11	Zn		1
2.12	Cu		1
2.13	Pb		1
2.14	Coliform		1

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương V, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;
2. Kế hoạch công tác.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm: Theo tình hình thực tế và tiến độ thực hiện của nhà thầu.